

**BỘ CÔNG THƯƠNG****BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2015/TT-BCT

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2015

**THÔNG TƯ****Quy định kiểm tra về chất lượng sản phẩm  
trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương**

*Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về nội dung, trình tự, thủ tục và tổ chức thực hiện kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

2. Sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này được quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trừ các sản phẩm quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Sản phẩm không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này gồm:

- a) Hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón;
- b) Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- c) Dịch vụ trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;
- d) Thương mại điện tử;

đ) Các sản phẩm đã có quy định kiểm tra chất lượng trong sản xuất tại các Thông tư khác do Bộ Công Thương ban hành.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư này.
2. Cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Căn cứ và hình thức kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất**

1. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất được thực hiện theo kế hoạch hàng năm do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất được thực hiện đột xuất khi có một trong các căn cứ sau:

a) Thông tin, cảnh báo về hàng hóa sản xuất trong nước đề xuất khâu không phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 32 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Kết quả khảo sát hoặc kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường của cơ quan kiểm tra phát hiện hàng hóa có chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng/quy chuẩn kỹ thuật/quy định kỹ thuật tương ứng;

c) Thông tin xác thực của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phản ánh về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được thực hiện dưới hình thức đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra được thành lập theo quy định tại Điều 48 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

## **Điều 4. Nguyên tắc kiểm tra**

Hoạt động kiểm tra chất lượng phải bảo đảm nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm phân công phân cấp rõ ràng, phối hợp hiệu quả; không được gây sách nhiễu, phiền hà làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ sở sản xuất được kiểm tra.

2. Khách quan, chính xác, công khai, minh bạch, không phân biệt đối xử.

3. Việc kiểm tra căn cứ các quy định kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy định về nhãn và các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất.

4. Bảo vệ bí mật thông tin, tài liệu, kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra, cơ sở sản xuất khi chưa có kết luận chính thức.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra, kết luận có liên quan.



**Chương II**  
**NỘI DUNG, TRÌNH TỰ THỬ TỤC KIỂM TRA**  
**VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG QUÁ TRÌNH KIỂM TRA**  
**CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM TRONG SẢN XUẤT**

**Điều 5. Nội dung kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất**

1. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu quy định liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất và các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất, bao gồm:

a) Kiểm tra hồ sơ chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy (đối với các sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận và công bố hợp quy); hồ sơ công bố hợp chuẩn (đối với các sản phẩm, hàng hóa công bố hợp chuẩn); hồ sơ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn (đối với sản phẩm áp dụng hệ thống Quản lý chất lượng); hồ sơ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa (đối với sản phẩm, hàng hóa áp dụng các quy định kỹ thuật tương ứng);

b) Kiểm tra việc thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định tại Điều 23 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

c) Kiểm tra việc ghi nhãn, nội dung thông tin cảnh báo (đối với các sản phẩm, hàng hóa có quy định về thể hiện thông tin cảnh báo); hồ sơ thông tin, quảng cáo (đối với sản phẩm, hàng hóa có thông tin quảng cáo); thể hiện dấu hợp quy (đối với sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận và công bố hợp quy), dấu hợp chuẩn (đối với sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn) và các tài liệu đi kèm sản phẩm cần kiểm tra;

d) Trường hợp trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có quy định liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất thì kiểm tra việc thực hiện các quy định này trong quá trình sản xuất sản phẩm;

đ) Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước khác về chất lượng sản phẩm trong sản xuất do cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Kiểm tra công tác kiểm soát quá trình sản xuất của cơ sở sản xuất liên quan đến việc tạo thành sản phẩm và duy trì sự đảm bảo chất lượng bao gồm:

a) Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm (tài liệu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm);

b) Kiểm tra toàn bộ hoặc một trong các giai đoạn của quá trình sản xuất (từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành sản phẩm bao gồm cả quá trình bao gói, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển sản phẩm);

c) Kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu (theo quy định kỹ thuật/tiêu chuẩn công bố áp dụng/quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và việc sử dụng nguyên liệu bị cấm, nguyên vật liệu quá hạn sử dụng);

d) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về trang thiết bị công nghệ và trang thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm;

đ) Kiểm tra hồ sơ tay nghề công nhân và cán bộ kỹ thuật;

e) Các nội dung kỹ thuật cần thiết khác.

3. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan kiểm tra có thể sử dụng chuyên gia thực hiện việc đánh giá theo các yêu cầu của quy định kỹ thuật/quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Chuyên gia đánh giá phải độc lập, khách quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá của mình.

4. Thử nghiệm mẫu để kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm với quy định kỹ thuật/tiêu chuẩn công bố áp dụng/quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trường đoàn kiểm tra quyết định việc lấy mẫu sản phẩm để thử nghiệm như sau:

a) Mẫu được lấy theo phương pháp lấy mẫu quy định tại quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Trường hợp không có quy định về phương pháp lấy mẫu thì lấy mẫu theo nguyên tắc ngẫu nhiên, đảm bảo mẫu là đại diện cho lô sản phẩm. Mỗi mẫu được chia làm 03 (ba) đơn vị mẫu, trong đó: một đơn vị mẫu được đưa đi thử nghiệm, một đơn vị mẫu lưu tại cơ quan kiểm tra và đơn vị mẫu còn lại giao cho đối tượng được kiểm tra lưu giữ và bảo quản;

b) Mẫu sản phẩm sau khi lấy phải được niêm phong (Mẫu số 4 tại Phụ lục kèm theo Thông tư), lập biên bản (Mẫu số 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) có chữ ký của người lấy mẫu, đại diện cơ sở được lấy mẫu. Trường hợp đại diện cơ sở được lấy mẫu không ký vào biên bản lấy mẫu và niêm phong mẫu thì đoàn kiểm tra mời người chứng kiến theo quy định của pháp luật và ghi rõ trong biên bản: “đại diện cơ sở không ký vào biên bản lấy mẫu, niêm phong mẫu”, biên bản lấy mẫu, niêm phong mẫu có chữ ký của người lấy mẫu, trưởng đoàn kiểm tra và người chứng kiến theo quy định của pháp luật;

c) Trong thời hạn tối đa 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày lấy mẫu, đoàn kiểm tra có trách nhiệm gửi mẫu sản phẩm đến tổ chức thử nghiệm được chỉ định để thử nghiệm.

#### **Điều 6. Chi phí lấy mẫu và thử nghiệm mẫu**

Chi phí lấy mẫu và thử nghiệm mẫu thực hiện theo định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2010/TTLT-BTC-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đối với hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

#### **Điều 7. Trình tự và thủ tục kiểm tra**

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra theo trình tự, thủ tục sau:



1. Xuất trình quyết định kiểm tra (Mẫu số 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) trước khi kiểm tra.

2. Tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Lập biên bản kiểm tra (Mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) có chữ ký của đại diện cơ sở được kiểm tra, đoàn kiểm tra. Trường hợp đại diện cơ sở được kiểm tra không ký biên bản thì đoàn kiểm tra ghi rõ trong biên bản “đại diện cơ sở không ký biên bản”, biên bản có chữ ký của trưởng đoàn kiểm tra, các thành viên đoàn kiểm tra và người chứng kiến.

4. Trong trường hợp cần lấy mẫu hàng hóa phục vụ thử nghiệm, đoàn kiểm tra lấy mẫu theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư này.

5. Báo cáo cơ quan kiểm tra hoặc người ra quyết định kiểm tra về kết quả kiểm tra.

6. Xử lý kết quả kiểm tra

a) Trường hợp không phát hiện vi phạm, đoàn kiểm tra, cơ quan kiểm tra ra thông báo sản phẩm được tiếp tục sản xuất, lưu thông (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và ghi rõ sản phẩm không vi phạm quy định tại Thông tư này;

b) Trường hợp phát hiện vi phạm thì đoàn kiểm tra, cơ quan kiểm tra thực hiện xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

### **Điều 8. Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra**

1. Trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất, trường hợp phát hiện cơ sở sản xuất vi phạm thì xử lý như sau:

a) Đoàn kiểm tra lập biên bản, yêu cầu cơ sở sản xuất thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời hạn quy định ghi rõ trong biên bản. Trong thời gian thực hiện các biện pháp khắc phục, cơ sở sản xuất không được phép đưa sản phẩm không phù hợp ra lưu thông trên thị trường.

Cơ sở sản xuất chỉ được đưa sản phẩm ra lưu thông sau khi đã khắc phục theo đúng các yêu cầu của đoàn kiểm tra, báo cáo việc khắc phục bằng văn bản cho cơ quan kiểm tra và được cơ quan kiểm tra ra thông báo sản phẩm được tiếp tục sản xuất, lưu thông (Mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này);

b) Trường hợp sau khi có yêu cầu của đoàn kiểm tra mà cơ sở sản xuất vẫn tiếp tục vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, mức độ và quy mô ảnh hưởng, cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc (kể từ ngày có kết luận về sự tiếp tục vi phạm của cơ sở sản xuất), thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài phát thanh, đài truyền hình) địa phương hoặc Trung ương tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, tên sản phẩm không phù hợp và mức độ không phù hợp của sản phẩm (Mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);



c) Sau khi có thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng mà cơ sở sản xuất vẫn tiếp tục vi phạm thì cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc (kể từ ngày có thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng), lập biên bản vi phạm hành chính, chuyển hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều này, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất mà kết quả thử nghiệm hoặc có bằng chứng khẳng định sản phẩm không phù hợp với quy định kỹ thuật/tiêu chuẩn công bố áp dụng/quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đe dọa đến sự an toàn của người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường thì xử lý như sau:

a) Thông báo kết quả thử nghiệm mẫu sản phẩm không đảm bảo chất lượng (Mẫu số 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) cho cơ sở sản xuất được kiểm tra trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả thử nghiệm mẫu;

b) Trường đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính (Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này), lập biên bản niêm phong (Mẫu số 8 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và niêm phong lô sản phẩm không phù hợp tại nơi sản xuất, kho hàng (Mẫu số 9 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa ra thông báo tạm đình chỉ sản xuất, lưu thông sản phẩm không phù hợp (Mẫu số 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này), yêu cầu cơ sở sản xuất thu hồi sản phẩm không phù hợp đã được đưa ra thị trường, thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời chuyển hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều này và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Cơ sở sản xuất chỉ được phép tiếp tục sản xuất sản phẩm sau khi đã thực hiện khắc phục, chấp hành việc xử lý, đồng thời báo cáo bằng văn bản cho cơ quan kiểm tra để cơ quan kiểm tra tiến hành tái kiểm tra và ra thông báo sản phẩm được tiếp tục sản xuất, lưu thông (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Hồ sơ chuyển cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm, bao gồm: Quyết định kiểm tra, biên bản kiểm tra, thông báo kết quả thử nghiệm Mẫu hoặc bằng chứng khẳng định sản phẩm không phù hợp, biên bản vi phạm hành chính, biên bản niêm phong, thông báo tạm đình chỉ sản xuất, công văn của cơ quan kiểm tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm; có trách nhiệm xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo cho cơ quan kiểm tra biết kết quả xử lý để theo dõi, tổng hợp.



### **Chương III**

## **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Vụ Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. Cụ thể:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

b) Tổng hợp, báo cáo tình hình kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất theo quy định tại Thông tư này;

c) Tổng hợp kế hoạch, dự toán kinh phí kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất hàng năm của Bộ Công Thương để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện;

d) Chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Các Tổng Cục, Cục, Vụ thuộc Bộ Công Thương và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan:

a) Chủ trì việc kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

b) Phối hợp và tham gia thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

c) Đề xuất kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất hàng năm đối với sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của đơn vị và gửi về Vụ Khoa học và Công nghệ.

3. Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư này trên địa bàn. Cụ thể như sau:

a) Thực hiện kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất trên địa bàn được giao theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp phát hiện hàng hóa lưu thông trên thị trường không bảo đảm các quy định về chất lượng mà hàng hóa đó được sản xuất tại địa phương khác hoặc thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực khác thì xử lý theo thẩm quyền, đồng thời thông báo bằng văn bản cho cơ quan kiểm tra tương ứng tại địa phương nơi sản xuất hàng hóa đó để phối hợp tổ chức kiểm tra trong sản xuất theo quy định;

c) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất hàng năm để trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt và tổ chức thực hiện;

d) Gửi kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất hàng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt về Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương;

đ) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Công Thương (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) định kỳ 6 (sáu) tháng, hàng năm, đột xuất về tình hình và kết quả kiểm tra. Nội dung báo cáo theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư.

4. Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm có trách nhiệm:

a) Đảm bảo sản phẩm sản xuất đáp ứng được yêu cầu về chất lượng theo quy định;

b) Thu hồi, xử lý đối với hàng hóa không bảo đảm chất lượng do tổ chức, cá nhân bán ra thị trường. Trong trường hợp phải tiêu hủy sản phẩm không đảm bảo chất lượng thì phải chịu toàn bộ chi phí cho việc tiêu hủy hàng hóa và chịu trách nhiệm về hậu quả của việc tiêu hủy hàng hóa theo pháp luật;

c) Chấp hành quy định về xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Chấp hành việc kiểm tra nhà nước đối với chất lượng sản phẩm trong sản xuất của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 10. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Cao Quốc Hưng**



**Phụ lục**  
**CÁC MẪU BIỂU SỬ DỤNG**  
**Trong việc kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất**  
**thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương**  
*(Kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BCT ngày 11 tháng 12 năm 2015*  
*của Bộ Công Thương)*

1. Mẫu số 1: Quyết định về việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất
2. Mẫu số 2: Biên bản kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất
3. Mẫu số 3: Biên bản lấy mẫu
4. Mẫu số 4: Tem niêm phong mẫu
5. Mẫu số 5: Thông báo kết quả thử nghiệm mẫu sản phẩm không đảm bảo chất lượng.
6. Mẫu số 6: Thông báo sản phẩm không đạt chất lượng
7. Mẫu số 7: Thông báo về việc tạm đình chỉ sản xuất, lưu thông
8. Mẫu số 8: Biên bản niêm phong
9. Mẫu số 9: Tem niêm phong lô sản phẩm
10. Mẫu số 10: Thông báo về việc sản phẩm được tiếp tục sản xuất, lưu thông
11. Mẫu số 11: Báo cáo về công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất
12. Mẫu số 12: Biên bản vi phạm hành chính về chất lượng sản phẩm hàng hóa

**Mẫu số 1**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ...

....., ngày.... tháng... năm 20....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**VỀ VIỆC KIỂM TRA VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM TRONG SẢN XUẤT**  
**THẨM QUYỀN BAN HÀNH(1)**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BCT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ....(2).....;

Xét đề nghị của.....(3).....;

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thành lập đoàn kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất, gồm các thành viên sau đây:

1. Họ tên và chức vụ:..... Trưởng đoàn

2. Họ tên và chức vụ:..... Thành viên

3. Họ tên và chức vụ:..... Thành viên

**Điều 2.** Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất tại.....(4).....

- Nội dung kiểm tra:.....

- Đối tượng kiểm tra: Sản phẩm.....

- Chế độ kiểm tra:

- Thời gian kiểm tra: từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Đoàn kiểm tra, (tên cơ sở sản xuất) và các tổ chức cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, (... đơn vị soạn thảo).

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)**(1) Thủ trưởng cơ quan kiểm tra ra quyết định;**(2) Văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ra quyết định;**(3) Thủ trưởng đơn vị có chức năng tham mưu đề xuất việc kiểm tra;**(4) Tên cơ sở sản xuất bị kiểm tra.*



**Mẫu số 2**

TÊN CƠ QUAN RA QĐ KIỂM TRA **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**ĐOÀN KIỂM TRA** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA****Về chất lượng sản phẩm trong sản xuất**

Số:.....

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BCT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Đoàn kiểm tra về kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất được thành lập theo Quyết định số: /QĐ- ngày tháng năm của..... (1) đã tiến hành kiểm tra về chất lượng sản phẩm tại (tên cơ sở sản xuất) từ ngày..... tháng.... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

**Thành phần đoàn kiểm tra gồm:**

- |         |          |             |
|---------|----------|-------------|
| 1. .... | Chức vụ: | Trưởng đoàn |
| 2. .... |          | Thành viên  |
| 3. .... |          | Thành viên  |

**Với sự tham gia của**

- |         |          |
|---------|----------|
| 1. .... | Chức vụ: |
| 2. .... |          |

**Đại diện cơ sở được kiểm tra**

- |         |          |
|---------|----------|
| 1. .... | Chức vụ: |
| 2. .... |          |

**I. Nội dung - kết quả kiểm tra**

(Ghi theo các nội dung kiểm tra tại Điều 6 của Thông tư)

**II. Nhận xét và kết luận:**

(Tại thời điểm kiểm tra sản phẩm phù hợp/không phù hợp với các quy định về chất lượng sản phẩm, nội dung vi phạm...).

**III. Yêu cầu đối với cơ sở:**

*(Khắc phục, sửa chữa và thời hạn thực hiện; các biện pháp xử lý khác: thu hồi sản phẩm, tạm dừng sản xuất...).*

**IV. Ý kiến của cơ sở được kiểm tra**

Biên bản lập.... bản như nhau và được mọi người tham dự thông qua vào hồi.... giờ.... ngày.... tháng.... năm..... tại.....

01 bản giao cho cơ sở được kiểm tra, 01 bản lưu tại đoàn kiểm tra.

**Đại diện cơ sở được kiểm tra**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Trưởng đoàn kiểm tra**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Thành viên đoàn kiểm tra** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Người chứng kiến** *(Ký, ghi rõ họ tên và số chứng minh thư nhân dân)*

**Lưu ý:** Trưởng hợp đoàn kiểm tra liên ngành, số biên bản sẽ theo số cơ quan tham gia kiểm tra và lập biên bản.

*(1) Chức danh của người ký ban hành Quyết định kiểm tra.*



**Mẫu số 3**

TÊN CƠ QUAN RA QĐ  
KIỂM TRA  
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20...

**BIÊN BẢN LẤY MẪU**

Số:.....

1. Tên cơ sở được lấy mẫu:
2. Đại diện cơ sở được lấy mẫu: (Họ tên, chức vụ, đơn vị)

.....

3. Người lấy mẫu: (Họ tên, chức danh, đơn vị)

.....

4. Phương pháp lấy mẫu: Theo TCVN...../QCVN...../Quy định kỹ thuật/  
phương pháp ngẫu nhiên, đảm bảo mẫu là đại diện cho lô hàng

STT	Tên mẫu, ký hiệu/ mã hiệu	Nơi lấy mẫu	Đơn vị tính	Lượng mẫu	Cỡ lô (Khối lượng/số lượng lô hàng)	Ngày sản xuất, số lô (nếu có)	Ghi chú

5. Tình trạng mẫu:

- Mẫu được chia làm 03 đơn vị: một đơn vị mẫu được đưa đi thử nghiệm, một đơn vị mẫu lưu tại cơ quan kiểm tra và đơn vị mẫu còn lại giao cho đối tượng được kiểm tra lưu giữ và bảo quản. (Số lượng của mỗi đơn vị mẫu đảm bảo đủ để thử các chỉ tiêu cần kiểm tra theo yêu cầu quản lý và phương pháp thử quy định).

- Mẫu được niêm phong có sự chứng kiến của đại diện cơ sở lấy mẫu.

Biên bản đã được các bên thông qua và được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

**Đại diện cơ sở được lấy mẫu**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Người chứng kiến**  
(Ký, ghi rõ họ tên và số chứng minh  
thư nhân dân)

**Trưởng đoàn kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người lấy mẫu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Mẫu số 4**

**TEM NIÊM PHONG MẪU**

(1)

Tên mẫu:.....

Số thứ tự trong biên bản lấy mẫu:.....

Ngày lấy mẫu:.....

**NGƯỜI LẤY MẪU**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

\_\_\_\_\_  
(1) Đóng dấu của cơ quan kiểm tra.



**Mẫu số 5**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-.... ..... , ngày... tháng... năm 20...

**THÔNG BÁO****Kết quả thử nghiệm mẫu sản phẩm không đảm bảo chất lượng**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BCT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số... ngày... (1);

Căn cứ vào biên bản kiểm tra số... ngày...; kết quả thử nghiệm mẫu số.....,

Xét đề nghị của trưởng đoàn kiểm tra...

.....(2) **THÔNG BÁO**

**1. Các mẫu sản phẩm không đạt yêu cầu chất lượng**

STT	Tên mẫu, ký hiệu/mã hiệu	Tên cơ sở sản xuất	Số lô, cỡ lô, ngày sản xuất (nếu có)	Chi tiêu không đạt	Ghi chú

**2. Yêu cầu đối với cơ sở được kiểm tra:**

*(Khắc phục, sửa chữa; các biện pháp xử lý khác: thu hồi sản phẩm, tạm dừng sản xuất..., ghi rõ thời gian thực hiện, hoàn thành, báo cáo kết quả)*

Cơ sở sản xuất có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu nội dung thông báo, trưởng đoàn kiểm tra theo dõi, đôn đốc quá trình thực hiện..... của cơ sở sản xuất.

**Nơi nhận:**

- Cơ sở SX;
- Trưởng đoàn KT (để theo dõi thực hiện);
- Lưu: VT, (... đơn vị soạn thảo).

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

(1) Ghi quyết định quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan kiểm tra;

(2) Tên cơ quan kiểm tra.

**Mẫu số 6**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-....

....., ngày... tháng... năm 20...

**THÔNG BÁO**  
**Sản phẩm không đạt chất lượng**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BCT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ thông báo kết quả thử nghiệm mẫu số..... ngày...

(Tên Cơ quan kiểm tra) **THÔNG BÁO**

- Tên sản phẩm:.....
- Ký hiệu/mã hiệu:
- Số lô, cỡ lô, ngày sản xuất (nếu có):
- Tên cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ:
- Chỉ tiêu không đạt chất lượng:

**Nơi nhận:**

- Cơ quan thông tin đại chúng;
- Lưu: VT, (... đơn vị soạn thảo).

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**Mẫu số 7**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-....

....., ngày... tháng... năm 20...

**THÔNG BÁO****Về việc tạm đình chỉ sản xuất, lưu thông**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BCT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ..... (2)

Căn cứ Thông báo kết quả thử nghiệm mẫu số..... ngày...

Xét đề nghị của trưởng đoàn kiểm tra...,

**THÔNG BÁO**

1. Tạm đình chỉ sản xuất, đưa ra lưu thông sản phẩm không phù hợp: (tên sản phẩm, ký hiệu/mã hiệu, số lô, cỡ lô, ngày sản xuất (nếu có)...)

Do (Tên cơ sở sản xuất), địa chỉ:..... sản xuất

2. (Tên cơ sở sản xuất) có trách nhiệm thu hồi, xử lý/khắc phục đối với sản phẩm không phù hợp trên, trong thời hạn.... ngày. Sản phẩm chỉ được tiếp tục sản xuất, lưu thông sau khi đã thực hiện các hành động khắc phục đạt yêu cầu và được cơ quan kiểm tra ra Thông báo được tiếp tục sản xuất, lưu thông.

3. (2) có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu nội dung thông báo, trưởng đoàn kiểm tra theo dõi, đôn đốc quá trình thực hiện của cơ sở sản xuất.

**Nơi nhận:**

- Cơ quan sản xuất;
- Cơ quan liên quan (để phối hợp);
- Lưu: VT,....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ cơ quan kiểm tra;

(2) Người đại diện theo pháp luật (cơ sở sản xuất)

**Mẫu số 8**

TÊN CƠ QUAN RA QĐ  
KIỂM TRA  
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20...

**BIÊN BẢN NIÊM PHONG**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BCT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông báo về việc tạm đình chỉ sản xuất số...

Hôm nay, hồi... giờ... ngày... tháng... năm...

Chúng tôi gồm:

Đoàn kiểm tra (Trưởng đoàn và các thành viên đoàn kiểm tra)

- Họ và tên..... Chức vụ..... Trưởng đoàn

- Họ và tên..... Chức vụ..... thành viên

Đại diện cơ sở được kiểm tra

- Họ và tên..... Chức vụ

Tiến hành niêm phong (lô sản phẩm)... số lượng... lưu giữ tại (kho cơ sở)...

Tình trạng sản phẩm khi niêm phong:

Biên bản này được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau, 01 bản lưu tại cơ quan kiểm tra, 01 bản lưu tại cơ sở được kiểm tra.

**Đại diện cơ sở được kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Trưởng đoàn kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thành viên đoàn kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Mẫu số 9****TEM NIÊM PHONG LÔ SẢN PHẨM**

(1)

Tên sản phẩm:.....

Số thứ tự lô sản phẩm:.....

Tên cơ sở sản xuất.....

Địa chỉ.....

Ngày niêm phong:.....

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA***(Ký, ghi rõ họ tên)***ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT***(Ký, ghi rõ họ tên)*

(1) Đóng dấu của cơ quan kiểm tra.

**Mẫu số 10**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-....

....., ngày... tháng... năm 20...

**THÔNG BÁO****Về việc sản phẩm được tiếp tục sản xuất, lưu thông**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BCT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ..... (1);

Căn cứ đề nghị của (tên cơ sở sản xuất)....;

Căn cứ Thông báo kết quả thử nghiệm mẫu số                    ngày

Xét đề nghị của trưởng đoàn kiểm tra....,

**THÔNG BÁO**

1. Sản phẩm (tên sản phẩm, ký hiệu/mã hiệu...):

của (tên cơ sở sản xuất), địa chỉ:..... được tiếp tục sản xuất, lưu thông.

2. (Tên cơ sở sản xuất) có trách nhiệm thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, duy trì đảm bảo sản xuất sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng/quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

**Nơi nhận:**

- Cơ sở sản xuất;
- Cơ quan liên quan (để phối hợp);
- Lưu: VT,...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Chức năng, nhiệm vụ cơ quan kiểm tra.



**Mẫu số 11**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-....

....., ngày... tháng... năm 20..

**BÁO CÁO****Về công tác kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất****I. Đặc điểm tình hình cơ sở sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý:**

(Sản phẩm chính, ước tính khối lượng sản phẩm và giá trị (nếu có)...

**II. Kết quả kiểm tra:**

1. Các loại sản phẩm đã kiểm tra;
2. Số cơ sở được kiểm tra và địa bàn kiểm tra;
3. Tình hình chất lượng sản phẩm qua kiểm tra;
4. Tình hình vi phạm, xử lý và một số vụ điển hình:
  - Số vụ vi phạm, xử lý.
  - Các hành vi vi phạm.
  - Một số vụ điển hình: Cơ sở vi phạm, loại sản phẩm (số lượng, trị giá), nội dung vi phạm, hình thức và mức xử lý.
5. Tình hình khiếu nại và giải quyết khiếu nại về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

**III. Nhận xét đánh giá chung:****IV. Kiến nghị:**

(Các phụ lục kèm theo báo cáo:.....)

**Nơi nhận:**

- Cơ quan chủ quản (để báo cáo);
- Vụ KH&CN, Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, (... đơn vị soạn thảo).

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 12**

**TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN**  
**ĐOÀN KIỂM TRA**  
 (Theo Quyết định số.../QĐ-...)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BB-VPHC

....., ngày... tháng... năm 20...

**BIÊN BẢN****Vi phạm hành chính về chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

Hôm nay, hồi... giờ... ngày... tháng... năm... tại.....

Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà).....

Chức vụ:..... Trưởng đoàn kiểm tra

2. Ông (bà).....

Chức vụ:.....

3. Ông (bà).....

Chức vụ:.....

Với sự chứng kiến (nếu có) của:

1. Ông (bà):.....

Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Giấy Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

2. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Giấy Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm,  
 hàng hóa đối với:

Ông (bà)/tổ chức:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....  
 Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Đã có hành vi vi phạm hành chính sau:.....<sup>1</sup>

Các hành vi trên đã vi phạm vào Điều... Khoản... điểm... Nghị định số..... của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Ý kiến trình bày của người vi phạm hành chính/đại diện tổ chức vi phạm hành chính:

.....

Ý kiến của người làm chứng (nếu có).....

Ý kiến của người có thẩm quyền lập biên bản:.....

Yêu cầu ông (bà)/tổ chức:..... đình chỉ ngay các hành vi vi phạm.

Biên bản được lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau, đã được các bên nhất trí thông qua, ký tên vào từng trang và được giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm một bản, một bản gửi báo cáo cơ quan kiểm tra, 01 bản chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý.

**NGƯỜI VI PHẠM**  
**(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM)**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)<sup>2</sup>*

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

<sup>1</sup> Nếu có nhiều hành vi vi phạm thì ghi cụ thể từng hành vi.

<sup>2</sup> Nếu không ký, ghi rõ lý do người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản.